

THÔNG BÁO

Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm

Ngày 24 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu chủ trì họp về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm. Tham dự cuộc họp trực tiếp tại Trụ sở Chính phủ có Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, đại diện Bộ Tài chính, Lãnh đạo các trường Đại học Sư phạm (ĐHSP), Trường Đại học có đào tạo sư phạm: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh, ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, ĐHSP-Đại học Đà Nẵng, Đại học Đồng Tháp, Đại học Đà Lạt, Đại học Vinh, Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội, ĐHSP-Đại học Huế, Đại học Công nghệ kỹ thuật Hưng Yên, Đại học Sư phạm Thể dục, Thể thao Hà Nội; tham dự trực tuyến tại các địa phương có Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và đơn vị liên quan thuộc các tỉnh, thành phố: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh, Nghệ An, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, An Giang, Đồng Tháp.

Sau khi nghe Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo, ý kiến của lãnh đạo các Bộ, cơ quan, các địa phương và đại biểu dự họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu kết luận như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo sư phạm tại cuộc họp; Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến cụ thể, rà soát, hoàn thiện các nhiệm vụ, giải pháp có thời hạn và sản phẩm, kết quả cụ thể bảo đảm đáp ứng yêu cầu giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên gắn với nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm.

2. Về giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên

(1) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Khẩn trương thực hiện các giải pháp theo quy định, chịu trách nhiệm trực tiếp bảo đảm đủ giáo viên thực hiện nhiệm vụ dạy học trên địa bàn, hoàn thành trong năm học 2026-2027; trong đó, khẩn trương thực hiện: (i) Tuyển dụng hết số biên chế được giao; (ii) Điều động, chuyển, biệt phái, bố trí giáo viên dạy liên trường để xử lý thừa, thiếu cục bộ; (iii) Thực hiện chế độ hợp đồng giáo viên

theo quy định đối với cơ sở giáo dục còn thiếu giáo viên chưa thể bố trí bằng biên chế; chủ động bố trí ngân sách địa phương và các nguồn thu hợp pháp để thực hiện chi trả cho giáo viên hợp đồng; trường hợp vượt khả năng cân đối, khẩn trương báo cáo gửi Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định; (iv) Trong năm học 2026-2027 phải chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên đứng lớp theo quy định do nguyên nhân chủ quan như chậm tuyển dụng, không ký hợp đồng, không bố trí kinh phí hoặc không điều tiết đội ngũ trong phạm vi thẩm quyền.

b) Rà soát, chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu nhu cầu biên chế, trên cơ sở xu hướng dân số, số học sinh, trường lớp, cơ cấu môn học và khả năng xã hội hóa; không đề xuất biên chế cao hơn nhu cầu thực tế, tránh phát sinh lãng phí; chủ động rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, trong đó có cơ sở dữ liệu về đội ngũ giáo viên, học sinh; cập nhật dữ liệu thường xuyên để bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý, sử dụng và dự báo nhu cầu giáo viên được thực hiện trên cùng một cơ sở dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

c) Chỉ đạo thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với người dôi dư do sắp xếp cơ sở giáo dục bảo đảm đúng quy định, công khai, minh bạch và nhân văn.

d) Đề nghị các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ nêu trên, chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện.

(2) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an và các địa phương rà soát, xác định chính xác nhu cầu giáo viên trên phạm vi toàn quốc, theo từng địa phương, từng trường, cấp học, môn học; đánh giá đồng bộ quy mô dân số, học sinh, trường lớp, đặc thù vùng miền, giáo viên nghỉ hưu, thôi việc và khả năng điều tiết đội ngũ; nhu cầu giáo viên của các cơ sở tư thục, công lập.

b) Rà soát, điều chỉnh quy định về chế độ làm việc, định mức giáo viên, người làm việc trong các cơ sở giáo dục, bảo đảm phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, từng cấp học, loại hình trường, đặc điểm vùng miền và biến động về quy mô học sinh; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ban hành theo thẩm quyền các quy định, hướng dẫn về các định mức trong lĩnh vực giáo dục bảo đảm phù hợp, hiệu quả; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với trường hợp vượt thẩm quyền thì; bảo đảm hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

c) Trên cơ sở nhu cầu, định mức, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, các địa phương xây dựng phương án tổng thể xử lý tình trạng thừa, thiếu giáo viên; phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ đề xuất phương án biên chế giáo dục giai đoạn 2027-2031, báo cáo Đảng ủy Chính phủ trong tháng 10 năm 2026 để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định, trong đó lưu ý việc đề xuất bổ sung biên chế phải có lộ trình, dựa trên dự báo nhu cầu trung hạn và dài hạn, tránh lãng phí nguồn lực; trường hợp cần thiết, nghiên cứu trình ban hành Nghị quyết của Chính phủ để chỉ đạo toàn diện, bảo đảm đủ giáo viên thực hiện

nhiệm vụ dạy học trong năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2026.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng hiệu quả đội ngũ đội dư sau sắp xếp; chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan thuộc thẩm quyền, kịp thời báo cáo cấp thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền; trong đó lưu ý:

- Đối với cán bộ quản lý giáo dục được bố trí trở lại làm giáo viên: (i) Trường hợp đủ điều kiện, phù hợp chuyên môn: bố trí giảng dạy ngay; (ii) Trường hợp có khả năng đáp ứng nhưng còn thiếu điều kiện giảng dạy: xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo bổ sung cụ thể theo môn học, cấp học và vị trí việc làm; (iii) Trường hợp không phù hợp để giảng dạy: không bố trí bằng mọi giá mà thực hiện phương án điều động, bố trí công việc phù hợp hoặc giải quyết chế độ theo quy định.

- Đối với nhân viên đội dư, chỉ xem xét chuyển sang vị trí giảng dạy khi đáp ứng đầy đủ yêu cầu về trình độ chuyên môn, chuẩn nghề nghiệp và điều kiện thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định.

- Xây dựng hướng dẫn thống nhất về bồi dưỡng đối với các trường hợp chuyển sang giảng dạy, gắn với môn học, cấp học và thực tiễn nhà trường; kết hợp giữa học tập, thực hành, hướng dẫn tại cơ sở giáo dục và đánh giá năng lực.

đ) Chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ và các quy định có liên quan, khắc phục căn bản tình trạng đặt hàng đào tạo không gắn với nhu cầu sử dụng lao động; nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm gắn với việc sử dụng sau tốt nghiệp, nhất là đối với môn học, địa bàn khó tuyển; cơ chế đăng ký, cam kết phục vụ, tuyển dụng hoặc bố trí công tác phù hợp; trình cấp có thẩm quyền trong năm 2026 để triển khai từ năm 2027.

e) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện.

(3) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương:

a) Khẩn trương hoàn thiện phương án biên chế giáo dục giai đoạn 2027-2031 báo cáo Đảng ủy Chính phủ trong tháng 10 năm 2026 để trình cấp có thẩm quyền theo quy định; đồng thời rà soát, đề xuất phương án giải quyết số người đã thực hiện quy trình tuyển dụng đối với lĩnh vực giáo dục tại các địa phương, nhưng bị tác động bởi việc giao biên chế năm 2026.

b) Rà soát việc thực hiện chủ trương tinh giản biên chế trong ngành giáo dục, hướng dẫn các địa phương không thực hiện giảm cơ học trong khi cơ sở giáo dục vẫn thiếu giáo viên theo định mức; tinh giản phải gắn với cơ cấu lại đội ngũ, vị trí việc làm và hiệu quả sử dụng nhân lực.

c) Rà soát các vướng mắc về tuyển dụng, điều động, biệt phái, sử dụng giáo viên; giải quyết chế độ, chính sách đối với giáo viên sau sắp xếp.

(4) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, các địa phương:

a) Chủ động hướng dẫn về nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng giáo viên ngoài chỉ tiêu biên chế được giao; xử lý dứt điểm vướng mắc của các cơ sở giáo dục có nhu cầu hợp đồng giáo viên nhưng không bố trí được nguồn kinh phí; hoàn thành trước 15 tháng 10 năm 2026.

b) Rà soát nhu cầu kinh phí hợp đồng giáo viên của từng địa phương, phân nhóm các địa phương có khả năng cân đối nhưng chưa bố trí với địa phương thực sự khó khăn, không tự cân đối được; trên cơ sở đó, đề xuất phương án xử lý theo quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với nội dung vượt thẩm quyền trong tháng 10 năm 2026.

3. Về nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm và phát triển các trường sư phạm

(1) Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt, tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo giáo viên theo hướng thu gọn đầu mối, chấm dứt tình trạng đào tạo sư phạm ở các trường không phải là trường sư phạm, kém chất lượng; tập trung nguồn lực phát triển một số trường đại học sư phạm trọng điểm với các tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng và được đầu tư bài bản, vượt trội; bảo đảm các trường sư phạm trọng điểm phải phát triển trên 3 trụ cột: Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Chuyển giao công nghệ.

b) Rà soát, chuẩn hóa chương trình và chuẩn đầu ra đào tạo giáo viên, áp dụng chung, có tính bắt buộc cho toàn bộ hệ thống để xóa bỏ sự chênh lệch chất lượng giữa các cơ sở đào tạo sư phạm; bảo đảm sinh viên tốt nghiệp phải đáp ứng thực chất yêu cầu nghề nghiệp; đặc biệt chú trọng: (i) Phẩm chất, đạo đức, ý thức trách nhiệm và liêm chính nghề nghiệp; (ii) Năng lực chuyên môn, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; (iii) Kỹ năng quản lý lớp học, tâm lý học sinh; (iv) Năng lực số, ứng dụng AI; (v) Tăng mạnh thời lượng, chất lượng thực hành sư phạm.

c) Đổi mới cơ chế tuyển sinh, trong đó bổ sung cơ chế đánh giá năng lực nghề nghiệp, yếu tố tâm lý sư phạm ngay từ đầu vào; cải tiến cơ chế kiểm định, bảo đảm thực chất, đo lường được tác động thực tế đối với đầu ra và khả năng thích ứng của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

d) Siết chặt đánh giá đầu ra, lấy năng lực thực tế của sinh viên sau tốt nghiệp làm một tiêu chí đánh giá cơ sở đào tạo, không chỉ dựa vào số lượng tiến sĩ, số chương trình được kiểm định hoặc các tiêu chí liên quan khác.

đ) Rà soát, đổi mới cơ chế bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm bảo đảm gọn nhẹ, linh hoạt, chất lượng, chuẩn mực để thu hút nhân lực chất lượng cao từ các ngành, lĩnh vực khác tham gia giảng dạy.

e) Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính rà soát toàn diện, đề xuất, kiến nghị về cơ chế tài chính đối với các trường sư phạm, làm rõ những bất cập, vướng mắc về học phí, ngân sách nhà nước hỗ trợ, tự chủ tài chính, chính sách tiền lương, phụ cấp, đãi ngộ, thu nhập giảng viên, đầu tư nghiên cứu để có giải pháp, kiến nghị, đề xuất cụ thể, phù hợp theo hướng: (i) Bảo đảm nguồn lực cho nhiệm vụ đào tạo giáo viên; (ii) Tạo điều kiện thu hút, giữ giảng viên chất lượng cao; (iii) Gắn đầu tư ngân sách nhà nước với kết quả, chất lượng đào tạo; (iv) Tập trung đầu tư cho

các cơ sở và nhiệm vụ trọng điểm, không phân bổ bình quân; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2026.

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ sở đào tạo sư phạm xây dựng danh mục đầu tư trọng điểm về khoa học, công nghệ, ưu tiên phòng thí nghiệm, hạ tầng dùng chung và các nhiệm vụ nghiên cứu có sản phẩm chuyên giao trực tiếp cho các cơ sở giáo dục đào tạo.

h) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tập trung xây dựng Đề án Phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo các trường sư phạm; trong đó xác định cụ thể số lượng cơ sở đầu tư trọng điểm, các dự án, công trình, phòng thí nghiệm, tổng mức đầu tư và nguồn vốn, cơ chế tài chính, các chính sách để phát triển đội ngũ giảng viên, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành; trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV năm 2026.

(2) Bộ Nội vụ phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách tiền lương, phụ cấp và đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ giảng viên trực tiếp đào tạo giáo viên, bảo đảm tương xứng với vai trò “đào tạo người thầy”.

(3) Bộ Tài chính phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường sư phạm; nghiên cứu, bổ sung chính sách tín dụng sinh viên cho sinh viên sư phạm và đổi mới cơ chế tài chính, chi ngân sách nhà nước đối với các trường sư phạm bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(4) Các trường đại học sư phạm, cơ sở đào tạo giáo viên:

a) Chủ động phối hợp chặt chẽ với các địa phương xác định nhu cầu; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo đơn đặt hàng chuyển mạnh từ tư duy “đào tạo những gì có thể đào tạo” sang “đào tạo theo nhu cầu của hệ thống giáo dục, địa phương và xã hội”; trong đó ưu tiên các môn học, cấp học, địa bàn đang thiếu kéo dài và khó tuyển dụng; đồng thời gắn đào tạo với đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuyển đổi số, dạy và học các môn STEM, ngoại ngữ và các yêu cầu mới của giáo dục phổ thông; rà soát, cập nhật đồng bộ giữa Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình đào tạo sư phạm.

b) Tăng cường liên kết giữa các trường phổ thông với các trường đào tạo sư phạm trong đào tạo sinh viên sư phạm, trong đó việc thực hành sư phạm phải thành nội dung trọng tâm trong chương trình đào tạo; nghiên cứu, cải tiến các mô hình đào tạo, kết hợp giữa mô hình đào tạo truyền thống và các mô hình mới.

c) Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống dữ liệu theo dõi sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm đào tạo, tỷ lệ vào nghề và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tế.

d) Các cơ sở đào tạo sư phạm được xác định đầu tư trọng điểm phải cam kết sản phẩm cụ thể về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ giáo dục.

đ) Chủ động tham gia sâu trong công tác tư vấn, hoạch định chính sách về lĩnh vực giáo dục và đào tạo; từ kết quả nghiên cứu và thực tiễn, chủ động hiến kế, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhất là đào tạo sư phạm.

e) Chủ động phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong nhận diện vấn đề, hiến kế và cung cấp giải pháp cụ thể về đào tạo sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy và học của từng địa phương, góp phần vừa phục vụ trực tiếp sự phát triển giáo dục của địa phương, vừa đưa kết quả nghiên cứu của nhà trường vào thực tiễn.

(5) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Chủ động rà soát toàn bộ trụ sở, quỹ đất dôi dư, đất sạch sau sắp xếp, ưu tiên bố trí cho giáo dục đào tạo, nhất là những nơi còn thiếu trường, lớp như tại khu vực nội thành của Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Chủ động bố trí, hỗ trợ về mặt bằng sạch, đất đai, đầu tư, kinh phí và các điều kiện cần thiết để phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên trên địa bàn.

4. Giao Văn phòng Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan liên quan, các địa phương thường xuyên tạo theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trên đây bảo đảm chất lượng, thời gian theo quy định.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan liên quan, các địa phương biết, các cơ sở đào tạo sư phạm biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTgCP Lê Tiến Châu (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố;
- Hiệu trưởng các Trường: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP TP Hồ Chí Minh, ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, ĐHSP-Đại học Đà Nẵng, Đại học Đồng Tháp, Đại học Đà Lạt, Đại học Vinh, Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội, ĐHSP-Đại học Huế, Đại học Công nghệ kỹ thuật Hưng Yên, ĐHSP Thể dục, Thể thao Hà Nội;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh,
Trợ lý TTg, Thư ký PTTg Lê Tiến Châu,
các Vụ/Cục: TH, QHĐP, KTTH, NC, CTTCP;
- Lưu: VT, KGVX (02), N.Huông.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Đỗ Ngọc Huỳnh